

**QUỐC HỘI**

Luật số: /2016/QH13

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày tháng năm 2016*

**DỰ THẢO 4**

## **LUẬT TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;  
Quốc hội ban hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo,

### **Chương I**

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; quyền và nghĩa vụ của người có tín ngưỡng, tín đồ tôn giáo, tổ chức tôn giáo, người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam có hoạt động liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo; trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

##### **Điều 2. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo**

1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người. Không ai được xâm phạm quyền tự do ấy.

2. Người có tín ngưỡng, tín đồ tôn giáo có quyền tự do bày tỏ niềm tin; hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp; tham gia các hình thức sinh hoạt, phục vụ lễ hội, lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo và học tập giáo lý tôn giáo.

3. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật.

4. Nhà nước bảo đảm quyền hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật; giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tín ngưỡng, tôn giáo.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tín đồ* là người tin theo một tôn giáo và được tổ chức tôn giáo thừa nhận.

2. *Nhà tu hành* là tín đồ tự nguyện thực hiện thường xuyên nếp sống riêng theo giáo lý, giáo luật của tôn giáo.

3. *Chức sắc, chức việc* là tín đồ được tổ chức tôn giáo phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử.

4. *Hoạt động tín ngưỡng* là hoạt động thể hiện sự tôn thờ tổ tiên; tưởng niệm và tôn vinh những người có công với nước, với cộng đồng; thờ cúng thần, thánh, biểu tượng có tính truyền thống và các hoạt động tín ngưỡng dân gian khác tiêu biểu cho những giá trị tốt đẹp về lịch sử, văn hóa, đạo đức xã hội của các cộng đồng người Việt Nam.

5. *Lễ hội tín ngưỡng* là lễ hội tổ chức các hoạt động tín ngưỡng nhằm đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của cộng đồng.

6. *Sinh hoạt tôn giáo* là việc thực hành nghi thức thờ cúng, cầu nguyện, bày tỏ niềm tin tôn giáo.

7. *Hoạt động tôn giáo* là hoạt động truyền bá, thực hành giáo lý, giáo luật, lễ nghi, quản lý tổ chức của tôn giáo.

8. *Cơ sở tín ngưỡng* là nơi thực hiện hoạt động tín ngưỡng của cộng đồng như đình, đền, miếu, nhà thờ dòng họ và những cơ sở tương tự khác.

9. *Cơ sở tôn giáo* là nơi thờ tự, tu hành, nơi đào tạo người chuyên hoạt động tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo và những cơ sở khác của tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận.

10. *Tổ chức tôn giáo* là tập hợp những người cùng tin theo một hệ thống giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức theo một cơ cấu nhất định được Nhà nước công nhận.

11. *Tổ chức tôn giáo trực thuộc* là đơn vị thuộc hệ thống tổ chức tôn giáo được thành lập theo hiến chương, điều lệ, quy định của tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận nhằm quản lý tổ chức, phục vụ hoạt động tôn giáo, tu hành tập thể, hoạt động xã hội.

#### **Điều 4. Quyền, nghĩa vụ của người có tín ngưỡng, tín đồ tôn giáo**

1. Người có tín ngưỡng, tín đồ tôn giáo là công dân Việt Nam được hưởng mọi quyền công dân và có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công dân.

2. Người có tín ngưỡng, tín đồ tôn giáo có nghĩa vụ tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác; không cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân; giữ gìn truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc và tuân thủ pháp luật.

3. Người đang bị giam, giữ được đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của cá nhân theo quy định pháp luật và nội quy nơi giam, giữ.

4. Người đã chấp hành xong án phạt tù hoặc quản chế theo quy định của pháp luật được chủ trì lễ nghi tôn giáo, truyền đạo, giảng đạo và quản lý tổ chức tôn giáo sau khi được tổ chức tôn giáo đăng ký và được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 5. Quan hệ quốc tế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo**

1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quan hệ với các quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, các bên cùng có lợi, phù hợp với pháp luật mỗi bên, pháp luật và thông lệ quốc tế.

2. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế đó.

#### **Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm**

1. Phân biệt đối xử vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Ép buộc người khác theo hoặc từ bỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Xúc phạm niềm tin tín ngưỡng, niềm tin của tín đồ các tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận.

4. Cản trở tổ chức, cá nhân tham gia hoặc thực hiện hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo hợp pháp.

5. Lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo để:

a) Kích động bạo lực hoặc tuyên truyền chiến tranh nhằm phá hoại hoà bình, độc lập, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam;

b) Tuyên truyền trái với pháp luật, chính sách của Nhà nước, phá hoại khối đoàn kết toàn dân, chia rẽ các dân tộc, chia rẽ tôn giáo;

c) Xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng;

d) Xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự, tài sản của người khác; cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân;

đ) Xúc phạm đến hình ảnh danh nhân, anh hùng dân tộc;

e) Trục lợi vì lợi ích cá nhân.

6. Chủ trì lễ nghi tôn giáo, truyền đạo, giảng đạo, quản lý tổ chức tôn giáo và chủ trì lễ hội tín ngưỡng khi đang chấp hành án phạt tù hoặc đang bị quản chế theo quy định của pháp luật.

7. Sử dụng cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo vào các hoạt động trái pháp luật.

## **Chương II** **HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG**

### **Điều 7. Hoạt động tín ngưỡng, lễ hội tín ngưỡng**

1. Hoạt động tín ngưỡng tại cơ sở tín ngưỡng và việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng trong cộng đồng dân cư được thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật khác có liên quan.

2. Cơ sở tín ngưỡng là nhà thờ dòng họ không áp dụng theo quy định tại Điều 8, 9, 10 Luật này.

### **Điều 8. Người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng**

1. Người đại diện, thành viên ban quản lý cơ sở tín ngưỡng là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có uy tín trong cộng đồng dân cư và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật.

2. Người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng được cộng đồng dân cư bầu, cử hoặc do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập hoặc chấp thuận.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

## **Điều 9. Đăng ký hoạt động tín ngưỡng hằng năm**

1. Hằng năm trước ngày 15 tháng 11, người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm gửi bản đăng ký hoạt động tín ngưỡng diễn ra vào năm sau đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).

Bản đăng ký nêu rõ tên cơ sở tín ngưỡng; người tổ chức, chủ trì hoạt động; dự kiến số lượng người tham gia, nội dung, hình thức tổ chức sinh hoạt, thời gian diễn ra hoạt động tín ngưỡng.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản đăng ký hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trả lời bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

## **Điều 10. Hoạt động tín ngưỡng tại cơ sở tín ngưỡng**

1. Người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng được tổ chức các hoạt động tín ngưỡng theo nội dung đăng ký đã được Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động tín ngưỡng diễn ra tại cơ sở.

2. Người tham gia hoạt động tín ngưỡng tại cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm thực hiện nếp sống văn minh, tuân thủ pháp luật và các quy định của cơ sở tín ngưỡng.

## **Điều 11. Tổ chức lễ hội tín ngưỡng**

1. Những lễ hội tín ngưỡng sau đây khi tổ chức phải được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) nơi diễn ra lễ hội:

- a) Lễ hội tổ chức lần đầu;
- b) Lễ hội khôi phục lại sau thời gian gián đoạn;
- c) Lễ hội tổ chức định kỳ nhưng có thay đổi về nội dung, thời gian, địa điểm, quy mô so với trước.

2. Những lễ hội tín ngưỡng không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này, trước khi tổ chức 15 ngày làm việc, người tổ chức có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi diễn ra lễ hội về thời gian, địa điểm, nội dung, hình thức tổ chức lễ hội và danh sách ban tổ chức lễ hội. Trường hợp do thiên tai, dịch bệnh hoặc việc tổ chức lễ hội ảnh hưởng xấu đến

đời sống xã hội, an ninh, trật tự ở địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ hoặc thu nhỏ quy mô tổ chức lễ hội.

3. Nguồn thu từ việc tổ chức lễ hội phải được công khai và sử dụng để phục vụ cho cơ sở tín ngưỡng, hoạt động lễ hội của cộng đồng dân cư.

### **Chương III**

## **ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO, ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO**

### **Mục 1**

## **ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO**

### **Điều 12. Đăng ký sinh hoạt tôn giáo**

1. Công dân có nhu cầu tập trung để sinh hoạt tôn giáo nhưng chưa có tổ chức tôn giáo được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận thì đăng ký sinh hoạt tôn giáo với cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh.

2. Điều kiện đăng ký sinh hoạt tôn giáo:

- a) Nội dung sinh hoạt không vi phạm các quy định tại Điều 6 Luật này;
- b) Có địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo;
- c) Người đại diện là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật.

### **Mục 2**

## **ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO**

### **Điều 13. Điều kiện cấp đăng ký hoạt động tôn giáo**

1. Là tổ chức của những người có cùng niềm tin; có giáo lý, giáo luật, lễ nghi, tôn chỉ, mục đích hoạt động gắn bó với dân tộc và không trái với quy định của pháp luật.

2. Không thuộc tổ chức tôn giáo đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

3. Tên gọi của tổ chức không trùng với tên các tổ chức tôn giáo đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận hoặc tên các danh nhân, anh hùng dân tộc.

4. Có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.

5. Có người đại diện là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật.

6. Không vi phạm quy định tại Điều 6 Luật này.

#### **Điều 14. Thẩm quyền cấp đăng ký hoạt động tôn giáo**

1. Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh có trách nhiệm cấp đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có phạm vi hoạt động chủ yếu ở một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm cấp đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có phạm vi hoạt động ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

#### **Điều 15. Hoạt động tôn giáo của tổ chức sau khi được cấp đăng ký**

1. Tổ chức sau khi được cấp đăng ký hoạt động tôn giáo được:

a) Tổ chức các cuộc lễ tôn giáo, thực hiện lễ nghi, giảng đạo tại địa điểm đã đăng ký;

b) Tổ chức đại hội thông qua hiến chương, điều lệ và các nội dung có liên quan trước khi đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận;

c) Bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức;

d) Mở lớp bồi dưỡng giáo lý;

đ) Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp công trình thuộc cơ sở tôn giáo;

e) Hoạt động từ thiện nhân đạo.

2. Khi thực hiện các hoạt động tôn giáo quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức phải tuân thủ quy định của Luật này và các văn bản pháp luật có liên quan.

#### **Điều 16. Thu hồi đăng ký hoạt động tôn giáo**

Tổ chức đã được cấp đăng ký hoạt động tôn giáo bị thu hồi đăng ký trong trường hợp hoạt động không đúng với tôn chỉ, mục đích hoặc vi phạm quy định tại Điều 6 Luật này.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC TÔN GIÁO**

#### **Mục 1**

#### **TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC**

##### **Điều 17. Điều kiện công nhận tổ chức tôn giáo**

1. Đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đăng ký hoạt động tôn giáo và hoạt động tôn giáo ổn định liên tục trong 10 năm, không vi phạm quy định tại Điều 6 Luật này.

2. Có hiến chương, điều lệ thể hiện tôn chỉ, mục đích, đường hướng hoạt động gắn bó với dân tộc và không trái với quy định của pháp luật.

3. Có trụ sở và người đại diện hợp pháp.

##### **Điều 18. Thẩm quyền công nhận tổ chức tôn giáo**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) xem xét, công nhận tổ chức tôn giáo có phạm vi hoạt động ở một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; trường hợp không công nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương xem xét, công nhận tổ chức tôn giáo có phạm vi hoạt động ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; trường hợp không công nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

##### **Điều 19. Điều kiện thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc**

1. Tổ chức tôn giáo được thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc theo hiến chương, điều lệ, quy định của tổ chức tôn giáo và đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Điều kiện thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc:

a) Có văn bản đề nghị của tổ chức tôn giáo;

b) Tổ chức sau khi được thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất thuộc hệ thống tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận;



c) Đáp ứng điều kiện quy định tại hiến chương, điều lệ, quy định của tổ chức tôn giáo;

d) Có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở;

đ) Không vi phạm quy định tại Điều 6 Luật này.

**Điều 20. Thẩm quyền thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định và trả lời bằng văn bản cho tổ chức tôn giáo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật này; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương xem xét, quyết định và trả lời bằng văn bản cho tổ chức tôn giáo không thuộc quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật này; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

## **Mục 2**

### **CƠ SỞ ĐÀO TẠO TÔN GIÁO, LỚP BỒI DƯỠNG TÔN GIÁO**

**Điều 21. Điều kiện thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo**

1. Tổ chức tôn giáo được thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo để đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo theo hiến chương, điều lệ hoặc quy định của tổ chức tôn giáo và phải được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Điều kiện thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo:

a) Có đề án thành lập cơ sở đào tạo phù hợp với quy mô hoạt động của tổ chức tôn giáo;

b) Được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến đặt trụ sở chính của cơ sở đào tạo chấp thuận;

c) Có cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính bảo đảm cho việc đào tạo;

d) Có dự kiến cụ thể về chương trình đào tạo, số lượng, cơ cấu đội ngũ giảng viên và người quản lý đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng và trình độ đào tạo.

**Điều 22. Quy trình, thẩm quyền chấp thuận thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo**

1. Quy trình thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo:

a) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản chấp thuận việc thành lập cơ sở đào tạo;

b) Tổ chức tôn giáo ra quyết định thành lập cơ sở đào tạo.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương xem xét, quyết định và trả lời bằng văn bản cho tổ chức tôn giáo về việc thành lập cơ sở đào tạo.

3. Hết thời hạn 01 năm kể từ ngày có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương, nếu tổ chức tôn giáo chưa triển khai thành lập cơ sở đào tạo thì văn bản chấp thuận hết hiệu lực.

4. Cơ sở đào tạo tôn giáo không thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

**Điều 23. Thông báo hoạt động của cơ sở đào tạo tôn giáo**

1. Trong thời hạn 30 ngày làm việc trước khi thực hiện hoạt động đào tạo, người đại diện cơ sở đào tạo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương các nội dung sau:

a) Quyết định của tổ chức tôn giáo về việc thành lập cơ sở đào tạo;

b) Quy chế hoạt động và tổ chức của cơ sở đào tạo;

c) Chương trình đào tạo và giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập trong đó môn học về lịch sử Việt Nam và pháp luật Việt Nam là môn học chính khóa;

d) Danh sách trích ngang ban lãnh đạo, giảng viên và người quản lý;

đ) Dự kiến chỉ tiêu và kế hoạch tuyển sinh;

e) Nguồn lực tài chính để đảm bảo hoạt động của cơ sở đào tạo;

g) Bản thuyết minh các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo.

2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản thông báo hợp lệ, nếu cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương không có ý kiến khác thì cơ sở đào tạo được hoạt động theo nội dung thông báo.

3. Sau thời hạn 01 năm kể từ ngày cơ sở đào tạo được hoạt động, nếu cơ sở đào tạo không triển khai hoạt động thì phải làm lại thủ tục thông báo hoạt động đào tạo theo quy định tại khoản 1 Điều này.

#### **Điều 24. Việc tuyển sinh của cơ sở đào tạo tôn giáo**

1. Việc tuyển sinh của cơ sở đào tạo tôn giáo phải thực hiện theo quy chế hoạt động và quy chế tuyển sinh của cơ sở đã được phê duyệt.

2. Trước khi tuyển sinh, ban lãnh đạo cơ sở đào tạo có trách nhiệm gửi bản thông báo chỉ tiêu tuyển sinh đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương. Nội dung bản thông báo nêu rõ số lượng học viên dự kiến tuyển sinh và các điều kiện bảo đảm.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận bản thông báo hợp lệ, nếu cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương không có ý kiến khác thì cơ sở đào tạo được tuyển sinh theo nội dung thông báo.

3. Công dân Việt Nam theo học tại cơ sở đào tạo tôn giáo phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hợp pháp xác nhận.

#### **Điều 25. Người nước ngoài theo học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam**

1. Tổ chức tôn giáo được nhận người nước ngoài vào học tại các cơ sở đào tạo tôn giáo.

2. Người nước ngoài theo học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam phải tôn trọng phong tục tập quán của Việt Nam; tuân thủ quy định về xuất, nhập cảnh và các quy định pháp luật khác có liên quan; được ban lãnh đạo cơ sở đào tạo đồng ý và làm thủ tục đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương xem xét, quyết định.

3. Người nước ngoài trong thời gian theo học và sau khi tốt nghiệp cơ sở đào tạo tôn giáo nếu hoạt động tôn giáo ở Việt Nam phải tuân thủ quy định tại các Điều 36, Điều 58, Điều 59 và Điều 60 Luật này.

**Điều 26. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở đào tạo tôn giáo**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương, các cơ quan liên quan hướng dẫn chương trình, nội dung và kiểm tra việc giảng dạy môn học về lịch sử Việt Nam và pháp luật Việt Nam.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm quản lý nhà nước theo thẩm quyền đối với cơ sở đào tạo tôn giáo trên địa bàn.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ sở đào tạo theo đề án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

**Điều 27. Mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo**

1. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh chấp thuận việc mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo.

**Mục 3**

**TẠM ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG, GIẢI THỂ TỔ CHỨC TÔN GIÁO,  
TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, CƠ SỞ ĐÀO TẠO TÔN GIÁO**

**Điều 28. Tạm đình chỉ hoạt động của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc**

Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị tạm đình chỉ hoạt động trong trường hợp hoạt động không đúng hiến chương, điều lệ, quy định của tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận hoặc vi phạm một trong các quy định tại khoản 2, khoản 4, khoản 5 và khoản 7 Điều 6 Luật này.

**Điều 29. Giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc**

Tổ chức tôn giáo giải thể trong các trường hợp sau:

1. Tổ chức tôn giáo tự giải thể hoặc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc.

2. Hết thời hạn tạm đình chỉ hoạt động nhưng tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị tạm đình chỉ.

**Điều 30. Tạm đình chỉ hoạt động đào tạo của cơ sở đào tạo tôn giáo**

Cơ sở đào tạo tôn giáo bị tạm đình chỉ hoạt động đào tạo trong trường hợp không bảo đảm một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật này hoặc vi phạm một trong các quy định tại khoản 2, khoản 4, khoản 5 và khoản 7 Điều 6 Luật này.

**Điều 31. Giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo**

Cơ sở đào tạo tôn giáo giải thể trong các trường hợp sau:

1. Theo đề nghị của tổ chức tôn giáo.
2. Hết thời hạn tạm đình chỉ hoạt động đào tạo nhưng cơ sở đào tạo không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị tạm đình chỉ.

**Chương V**

**HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO**

**Mục 1**

**HỘI NGHỊ, ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO,  
TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC**

**Điều 32. Hội nghị, đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc**

1. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được tổ chức hội nghị, đại hội theo hiến chương, điều lệ hoặc quy định của tổ chức tôn giáo sau khi có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Thẩm quyền:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cấp huyện chấp thuận đối với hội nghị, đại hội của tổ chức tôn giáo trực thuộc có phạm vi hoạt động trong một huyện;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh chấp thuận đối với hội nghị, đại hội của tổ chức tôn giáo trực thuộc có phạm vi hoạt động trong một tỉnh;

c) Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chấp thuận đối với hội nghị, đại hội cấp trung ương hoặc toàn đạo;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận đối với hội nghị, đại hội không thuộc quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều này.

### **Điều 33. Đăng ký hiến chương, điều lệ sửa đổi**

1. Tổ chức tôn giáo khi sửa đổi hiến chương, điều lệ có trách nhiệm đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 18 Luật này. Văn bản đăng ký nêu rõ tên tổ chức tôn giáo, người đại diện, lý do, nội dung sửa đổi kèm theo hiến chương, điều lệ sửa đổi.

2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

## **Mục 2**

### **PHONG CHỨC, PHONG PHẨM, BỔ NHIỆM, BẦU CỬ, SUY CỬ, CÁCH CHỨC, BẢY NHIỆM TRONG TỔ CHỨC TÔN GIÁO**

#### **Điều 34. Điều kiện chấp thuận đăng ký phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử của tổ chức tôn giáo**

1. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử theo hiến chương, điều lệ hoặc quy định của tổ chức tôn giáo.

2. Điều kiện chấp thuận đăng ký đối với người được phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử:

- a) Là công dân Việt Nam, có tư cách đạo đức tốt;
- b) Có tinh thần đoàn kết, hoà hợp dân tộc;
- c) Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật.

#### **Điều 35. Thẩm quyền chấp thuận đăng ký người được phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử**

1. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc sau khi thực hiện việc phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có trách nhiệm đăng ký với

cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 4 Điều này đối với các chức danh:

a) Thành viên Ban thường trực Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự; Thành viên Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự; Hoà thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư của Giáo hội Phật giáo Việt Nam;

b) Thành viên Ban Thường vụ, Chủ tịch các Ủy ban Hội đồng Giám mục Việt Nam, Hồng y, Tổng giám mục, Giám mục, Giám mục phó, Giám mục phụ tá, Giám quản, Chủ tịch Liên hiệp Bề trên thượng cấp Việt Nam, người đứng đầu dòng tu và tổ chức tu hành tập thể khác của Giáo hội Công giáo Việt Nam;

c) Thành viên Ban trị sự trung ương và tương đương của các tổ chức Tin lành;

d) Thành viên Hội đồng Chương quản, Hội đồng Hội thánh, Ban Thường trực Hội thánh, Phối sư và chức sắc tương đương trở lên của các Hội thánh Cao đài;

đ) Thành viên Ban Trị sự trung ương Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo;

e) Những chức vụ, phẩm trật tương đương của các tổ chức tôn giáo khác;

g) Người đứng đầu cơ sở đào tạo tôn giáo.

2. Đối với các trường hợp không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc thực hiện phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có trách nhiệm gửi bản đăng ký đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

3. Bản đăng ký của tổ chức tôn giáo nêu rõ họ và tên, phẩm trật, chức vụ, phạm vi phụ trách, tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo và sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hợp pháp của người được đăng ký.

4. Thẩm quyền:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản đăng ký hợp lệ đối với trường hợp phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử quy định tại khoản 2 Điều này; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày

nhận được bản đăng ký hợp lệ đối với trường hợp phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử quy định tại khoản 1 Điều này; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

**Điều 36. Phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài**

1. Phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài là việc tổ chức tôn giáo ở nước ngoài phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử cho những người thuộc tổ chức tôn giáo ở Việt Nam hoặc tổ chức tôn giáo ở Việt Nam phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử người có quốc tịch nước ngoài hoạt động cho tổ chức tôn giáo của Việt Nam.

2. Việc phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài phải được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

3. Người được đề nghị phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật này. Riêng người có quốc tịch nước ngoài đang hoạt động cho tổ chức tôn giáo của Việt Nam khi được phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Được đào tạo tại cơ sở đào tạo tôn giáo của tổ chức tôn giáo ở Việt Nam hoặc hoạt động tôn giáo ở Việt Nam ít nhất 05 năm;

b) Tuân thủ pháp luật Việt Nam.

4. Tổ chức tôn giáo có người được đề nghị hoặc đề nghị phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương, trong đó nêu rõ lý do đề nghị, họ và tên, phẩm trật, chức vụ, phạm vi phụ trách, tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người được đề nghị.

5. Trường hợp người Việt Nam được phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài chưa được cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chấp thuận thì không được sử dụng chức danh đó để hoạt động tôn giáo tại Việt Nam.



**Điều 37. Thông báo về việc cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc trong tôn giáo**

Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc khi cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc thuộc quyền quản lý có trách nhiệm gửi văn bản thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 35 Luật này, trong đó nêu rõ lý do cách chức, bãi nhiệm kèm theo văn bản của tổ chức tôn giáo về việc cách chức, bãi nhiệm.

**Mục 3**

**THUYỀN CHUYỂN NƠI HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO  
CỦA CHỨC SẮC, CHỨC VIỆC, NHÀ TU HÀNH**

**Điều 38. Thuyền chuyển nơi hoạt động tôn giáo**

Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được thuyền chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, chức việc, nhà tu hành khi có sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi thuyền chuyển đến.

**Điều 39. Thông báo thuyền chuyển nơi hoạt động tôn giáo**

1. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc khi thuyền chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, chức việc, nhà tu hành có trách nhiệm gửi văn bản thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi thuyền chuyển đi chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản thuyền chuyển.

2. Văn bản thông báo nêu rõ họ tên, phẩm trật, chức vụ tôn giáo của người được thuyền chuyển, lý do thuyền chuyển, nơi hoạt động tôn giáo trước khi thuyền chuyển, nơi thuyền chuyển đến.

**Mục 4**

**GIẢNG ĐẠO, TRUYỀN ĐẠO, TẠM ĐÌNH CHỈ  
HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CỦA CHỨC SẮC, CHỨC VIỆC,  
NHÀ TU HÀNH; CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO**

**Điều 40. Giảng đạo, truyền đạo của chức sắc, chức việc, nhà tu hành**

1. Chức sắc, chức việc, nhà tu hành được thực hiện lễ nghi tôn giáo trong phạm vi phụ trách, được giảng đạo, truyền đạo tại cơ sở tôn giáo; có

nghĩa vụ giáo dục cho tín đồ lòng yêu nước, thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân và ý thức chấp hành pháp luật.

2. Chức sắc, chức việc, nhà tu hành giảng đạo, truyền đạo ngoài cơ sở tôn giáo phải được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) nơi dự kiến giảng đạo, truyền đạo.

**Điều 41. Tạm đình chỉ hoạt động tôn giáo của chức sắc, chức việc, nhà tu hành**

Chức sắc, chức việc, nhà tu hành bị tạm đình chỉ hoạt động trong trường hợp hoạt động không đúng hiến chương, điều lệ, quy định của tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận hoặc vi phạm một trong các quy định tại khoản 2, khoản 4, khoản 5 và khoản 7 Điều 6 Luật này.

**Điều 42. Cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo**

1. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo có sự tham gia của tín đồ trong phạm vi một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phải được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tổ chức cuộc lễ.

2. Cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo có sự tham gia của tín đồ đến từ nhiều huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hoặc đến từ nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức cuộc lễ.

**Mục 5**

**ĐĂNG KÝ NGƯỜI VÀO TU,  
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO HÀNG NĂM  
CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC**

**Điều 43. Đăng ký người vào tu tại cơ sở tôn giáo**

1. Người đi tu tại cơ sở tôn giáo phải trên cơ sở tự nguyện, không ai được ép buộc hoặc cản trở. Người chưa thành niên khi đi tu phải được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý.

2. Người phụ trách cơ sở tôn giáo khi nhận người vào tu có trách nhiệm đăng ký người vào tu với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở tôn giáo trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận người vào tu.

Bản đăng ký nêu rõ họ và tên người vào tu kèm theo sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người vào tu có hộ khẩu thường trú; ý kiến đồng ý bằng văn bản của cha mẹ hoặc người giám hộ đối với người chưa thành niên vào tu.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận bản đăng ký hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

#### **Điều 44. Đăng ký hoạt động tôn giáo hằng năm**

1. Hằng năm trước ngày 15 tháng 11, người đại diện tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm gửi bản đăng ký hoạt động tôn giáo diễn ra vào năm sau với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này.

Bản đăng ký nêu rõ các hoạt động diễn ra trong năm, nội dung, thời gian, địa điểm diễn ra hoạt động.

##### **2. Thẩm quyền:**

a) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận bản đăng ký hợp lệ (đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có phạm vi hoạt động trong một xã); trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cấp huyện có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận bản đăng ký hợp lệ (đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có phạm vi hoạt động trong một huyện); trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do;

c) Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận bản đăng ký hợp lệ (đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có phạm vi hoạt động trong một tỉnh); trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do;

d) Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày

nhận bản đăng ký hợp lệ (đối với tổ chức tôn giáo); trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

**Điều 45. Hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đăng ký hằng năm**

1. Hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đăng ký hằng năm không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 32, Điều 42 hoặc có thay đổi nội dung, thời gian, địa điểm, người đại diện tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này.

Văn bản đề nghị nêu rõ nội dung, thời gian, địa điểm diễn ra hoạt động, các điều kiện bảo đảm.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật này có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

**Mục 6**

**XUẤT BẢN PHẨM LIÊN QUAN  
ĐẾN TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO**

**Điều 46. Xuất bản phẩm liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo**

Tổ chức, cá nhân tham gia xuất bản sách kinh, ấn phẩm tín ngưỡng, tôn giáo; sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu văn hóa phẩm tín ngưỡng, tôn giáo, đồ dùng việc đạo theo quy định của pháp luật.

**Chương VI**

**QUAN HỆ QUỐC TẾ CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO,  
TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, CHỨC SẮC,  
CHỨC VIỆC, NHÀ TU HÀNH, TÍN ĐỒ**

**Điều 47. Quan hệ quốc tế của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ**

1. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ thực hiện các hoạt động quốc tế theo quy định của hiến

chương, điều lệ hoặc giáo luật của tổ chức tôn giáo phù hợp với pháp luật Việt Nam.

2. Khi thực hiện các hoạt động quốc tế, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ phải tôn trọng độc lập, chủ quyền và pháp luật của quốc gia sở tại .

**Điều 48. Mời tổ chức, cá nhân là người nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện các hoạt động quốc tế liên quan đến tôn giáo**

1. Tổ chức tôn giáo trực thuộc và các trường hợp không thuộc quy định tại khoản 2 Điều này khi mời tổ chức, cá nhân là người nước ngoài vào Việt Nam để tiến hành các hoạt động quốc tế liên quan đến tôn giáo phải được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thực hiện hoạt động quốc tế liên quan đến tôn giáo.

2. Tổ chức tôn giáo khi mời tổ chức, cá nhân là người nước ngoài vào Việt Nam để tiến hành các hoạt động quốc tế liên quan đến tôn giáo phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

**Điều 49. Tham gia hoạt động tôn giáo, đào tạo tôn giáo ở nước ngoài**

1. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc cử chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ tham gia hoạt động tôn giáo, khóa đào tạo tôn giáo ở nước ngoài sau khi có sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

2. Chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ sau khi hoàn thành khóa đào tạo về tôn giáo ở nước ngoài, nếu được tổ chức tôn giáo ở nước ngoài phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử, khi về Việt Nam hoạt động tôn giáo, tổ chức tôn giáo quản lý trực tiếp có trách nhiệm đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Luật này.

3. Người Việt Nam khi hoạt động tôn giáo, đào tạo tôn giáo ở nước ngoài phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam; không tham gia các tổ chức chống Nhà nước Việt Nam, xâm hại đến độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

**Điều 50. Tham gia các tổ chức tôn giáo quốc tế**

Tổ chức tôn giáo khi tham gia tổ chức tôn giáo quốc tế phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

## **Chương VII**

### **HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG, TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, CHỨC SẮC, CHỨC VIỆC, NHÀ TU HÀNH, TÍN ĐỒ TRONG LĨNH VỰC Y TẾ, GIÁO DỤC, DẠY NGHỀ, TỪ THIỆN, NHÂN ĐẠO**

#### **Điều 51. Hoạt động quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc**

1. Cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được tổ chức quyên góp, nhận tài sản hiến, tặng, cho trên cơ sở tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm gửi thông báo đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này về việc tổ chức quyên góp, trong đó nêu rõ mục đích, phạm vi, cách thức, thời gian, cơ chế quản lý, sử dụng tài sản được quyên góp.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi nhận được thông báo của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc về việc quyên góp có trách nhiệm giám sát việc thực hiện theo nội dung thông báo.

#### **3. Thẩm quyền:**

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận bản thông báo hợp lệ, nếu Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức quyên góp (đối với trường hợp tổ chức quyên góp trong phạm vi một xã) không có ý kiến khác thì cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được tổ chức quyên góp theo nội dung thông báo;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận bản thông báo hợp lệ, nếu Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tổ chức quyên góp (đối với trường hợp tổ chức quyên góp vượt ra ngoài phạm vi một xã nhưng trong phạm vi một huyện) không có ý kiến khác thì cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được tổ chức quyên góp theo nội dung thông báo;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận bản thông báo hợp lệ, nếu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức quyên góp (đối với trường hợp tổ chức quyên góp vượt ra ngoài phạm vi một huyện) không có ý kiến khác thì cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được tổ chức quyên góp theo nội dung thông báo.

4. Cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc thực hiện việc quyên góp phải bảo đảm tính công khai, minh bạch đối với các khoản quyên góp, kể cả việc phân bổ; không được lợi dụng danh nghĩa cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc để quyên góp phục vụ lợi ích cá nhân hoặc những mục đích trái pháp luật.

5. Tài sản được dâng cúng, công đức tại cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc phải được sử dụng đúng mục đích, phục vụ cho hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo và lợi ích của cộng đồng.

6. Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản quyên góp có yếu tố nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

#### **Điều 52. Hoạt động giáo dục, dạy nghề, y tế, bảo trợ xã hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc**

1. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được thực hiện các hoạt động giáo dục, dạy nghề, y tế, bảo trợ xã hội theo quy định pháp luật.

2. Không truyền bá tôn giáo, tiến hành các nghi thức tôn giáo tại cơ sở giáo dục, dạy nghề do tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc thành lập, quản lý.

#### **Điều 53. Hoạt động từ thiện, nhân đạo của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ**

1. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ thực hiện hoạt động từ thiện, nhân đạo theo quy định của pháp luật.

2. Không được lợi dụng hoạt động từ thiện, nhân đạo để thực hiện các hoạt động vì mục đích khác.

**Chương VIII**  
**TÀI SẢN CỦA CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG,**  
**TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC**

**Điều 54. Tài sản của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc**

Tài sản hợp pháp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được pháp luật bảo hộ, nghiêm cấm việc xâm phạm tài sản đó.

**Điều 55. Đất cơ sở tín ngưỡng, đất cơ sở tôn giáo**

Việc quản lý và sử dụng đất cơ sở tín ngưỡng, đất cơ sở tôn giáo theo quy định của pháp luật về đất đai.

**Điều 56. Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo, công trình phụ trợ thuộc cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo**

1. Việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo và công trình tôn giáo là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xếp hạng thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan.

2. Việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình phụ trợ thuộc cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với các công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa.

**Điều 57. Di dời công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo**

Việc di dời các công trình thuộc cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

**Chương IX**  
**SINH HOẠT TÔN GIÁO**  
**CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

**Điều 58. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người nước ngoài tại Việt Nam**

1. Người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được Nhà nước Việt Nam tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; được sinh hoạt tôn



giáo, được giảng đạo, theo học tại cơ sở đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo hoặc lớp bồi dưỡng về tôn giáo của tổ chức tôn giáo ở Việt Nam.

2. Người nước ngoài vào Việt Nam phải tuân thủ pháp luật Việt Nam; được mang theo xuất bản phẩm tôn giáo và đồ dùng tôn giáo để phục vụ nhu cầu của bản thân theo quy định của pháp luật Việt Nam.

#### **Điều 59. Sinh hoạt tôn giáo của người nước ngoài tại Việt Nam**

1. Người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được sinh hoạt tôn giáo tại cơ sở tôn giáo hoặc các địa điểm hợp pháp khác như tín đồ tôn giáo Việt Nam.

2. Người nước ngoài có nhu cầu tập trung để sinh hoạt tôn giáo riêng tại cơ sở tôn giáo hoặc tại địa điểm hợp pháp khác ở Việt Nam phải được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi người nước ngoài đăng ký sinh hoạt tôn giáo.

#### **Điều 60. Giảng đạo của chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài tại Việt Nam**

1. Chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài được giảng đạo tại Việt Nam sau khi có sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương. Trong quá trình giảng đạo phải tôn trọng quy định của tổ chức tôn giáo ở Việt Nam và tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam.

2. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người nước ngoài tập trung sinh hoạt tôn giáo riêng tại Việt Nam mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài giảng đạo tại Việt Nam có trách nhiệm gửi văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

### **Chương X**

#### **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO**

#### **Điều 61. Nguyên tắc quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo**

1. Nhà nước thống nhất quản lý và bảo đảm việc thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

3. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo bị xử lý theo quy định của pháp luật.

### **Điều 62. Nội dung quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo**

1. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các chiến lược, đề án, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm và hàng năm về chính sách đối với tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

4. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

5. Quy định tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

6. Quy định về việc phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong công tác tôn giáo.

7. Tổ chức quản lý công tác nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức về tín ngưỡng, tôn giáo.

8. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

9. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

### **Điều 63. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo**

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trong phạm vi cả nước.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thực hiện quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

## **Điều 64. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận**

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên có trách nhiệm:

a) Tập hợp đồng bào có tín ngưỡng, tôn giáo và đồng bào không có tín ngưỡng, tôn giáo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

b) Phản ánh kịp thời ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của nhân dân về các vấn đề có liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo với cơ quan có thẩm quyền;

c) Tham gia xây dựng pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo;

d) Tham gia tuyên truyền, vận động chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ, người có tín ngưỡng, các tổ chức tôn giáo và nhân dân thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo;

e) Giám sát việc thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo của các cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, công chức, viên chức.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm phản biện xã hội đối với các dự thảo chính sách, pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của Nhà nước có liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo (trừ những vấn đề thuộc bí mật quốc gia) phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mình.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với các cơ quan nhà nước trong việc tuyên truyền, vận động và thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

## **Chương XI**

### **THANH TRA, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 65. Thanh tra chuyên ngành về tín ngưỡng, tôn giáo**

1. Thanh tra chuyên ngành về tín ngưỡng, tôn giáo là hoạt động thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện thanh tra chuyên ngành về tín ngưỡng, tôn giáo trong cả nước.

2. Nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về tín ngưỡng, tôn giáo gồm:

a) Thanh tra việc chấp hành pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo của Ủy ban nhân dân các cấp;

b) Thanh tra việc chấp hành pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ;

c) Thanh tra những vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

### **Điều 66. Giải quyết khiếu nại, khiếu kiện về tín ngưỡng, tôn giáo**

1. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền khiếu nại, khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

3. Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

### **Điều 67. Giải quyết tố cáo về tín ngưỡng, tôn giáo**

1. Mọi tổ chức, cá nhân có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Việc giải quyết tố cáo vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo.

### **Điều 68. Xử lý hành vi vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo**

Người có hành vi vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

## **Chương XII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 69. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Tổ chức đã được cấp đăng ký hoạt động tôn giáo, tổ chức tôn giáo đã được công nhận theo quy định tại Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo không phải làm thủ tục đăng ký, công nhận theo quy định của Luật này.

2. Hội đoàn tôn giáo, dòng tu và tổ chức tu hành tập thể của các tổ chức tôn giáo đã được cấp đăng ký hoạt động tôn giáo theo quy định tại Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo không phải làm thủ tục đăng ký theo quy định của Luật này.

#### **Điều 70. Hiệu lực thi hành**

Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày      tháng      năm

#### **Điều 71. Quy định chi tiết**

Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục tại khoản 1 Điều 11, Điều 12, Điều 14, Điều 16, Điều 18, Điều 20, Điều 22, Điều 25, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 38, Điều 40, Điều 41, Điều 42, Điều 48, Điều 49, Điều 50, Điều 56, Điều 59 và Điều 60 Luật này.

---

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa ....., kỳ họp thứ..... thông qua ngày ... tháng ..... năm .....*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**